

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 04/10/2018
“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi
con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Phước.
2. Ông Phạm Văn Lương.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Thạch Ươn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 432/2018/TLST-HNGĐ, ngày 20/8/2018 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 9 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1996. Địa chỉ: ấp 9*, xã A, huyện C, tỉnh T. (có mặt).

Bị đơn: Anh Trần Quốc T, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp 9*, xã A, huyện C, tỉnh T. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa chị Nguyễn Ngọc C là nguyên đơn trình bày: Chị với anh T do tìm hiểu quen biết nhau và được sự đồng ý của gia đình hai bên cho anh chị tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2013, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện C, tỉnh T vào ngày 27/8/2016. Ngày cưới bên anh T có cho chị tổng cộng 03 chỉ vàng 24Kra gồm đôi bông tai 01 chỉ; sợi dây chuyền 02 chỉ vàng 24Kra và nhẫn cưới 05 phân vàng 18Kra. Tất cả số nữ trang này vợ chồng đã đồng ý bán hết để làm ăn, hiện không còn. Sau khi cưới anh T về cùng

sống bên nhà chị, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2015, anh T thường xuyên đi uống rượu, cờ bạc, đá gà ăn tiền, không lo làm ăn và có thái độ hành hung, ngược đãi, xúc phạm danh dự, nhân phẩm chị, từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, không tin tưởng nhau trong cuộc sống dẫn đến gia đình không hạnh phúc. Đến năm 2016, chị với anh T sống ly thân nhau cho đến nay không hàn gắn được.

- *Về con chung*: có một người tên Trần Huỳnh Ngọc Q, sinh ngày 31/3/2014, hiện đang sống với anh T.

- *Về tài sản chung*: không có.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Vợ chồng không thiếu nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng.

Nay, về hôn nhân: chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

- *Về con chung*: tên Trần Huỳnh Ngọc Q, sinh ngày 31/3/2014. Sau khi ly hôn chị đồng ý giao con cho anh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung*: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về số nợ phải thu, phải trả*: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Quốc T là bị đơn trình bày: anh với chị C do tự tìm hiểu quen biết nhau đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2013, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện C, tỉnh T vào ngày 27/8/2016. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc sinh được 01 con chung, khoảng 02 năm nay phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, chị C bỏ nhà ra đi mỗi người sống một nơi cho đến nay.

- *Về con chung*: có một người tên Trần Huỳnh Ngọc Q, sinh ngày 31/3/2014, hiện đang sống với anh.

- *Về tài sản chung*: không có.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Vợ chồng không thiếu nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng.

Nay, về hôn nhân: anh đồng ý ly hôn với chị C.

- *Về con chung*: anh yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về số nợ phải thu, phải trả*: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu về hôn nhân, về con chung và không có cung cấp chứng cứ mới. Bị đơn vắng mặt tại tòa nên không có lời trình bày.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh kết luận về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật

tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Về vấn đề thu thập chứng cứ, tiếp hành kiểm tra việc giao nhận, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu cũng như việc gửi, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 28, điều 35, điều 39, điều 147, điều 227, điều 228 và điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84, Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc C.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Ngọc C với anh Trần Quốc T.

- *Về con chung:* Công nhận cho anh Trần Quốc T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Huỳnh Ngọc Q, sinh ngày 31/3/2014.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản;

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- *Về tài sản chung:* không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- *Về nợ chung:* không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- *Về án phí:* Buộc đương sự phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn nộp hoặc không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Trần Quốc T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227; 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo luật định.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: chị Nguyễn Ngọc C có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Càng Long giải quyết việc hôn nhân. Theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc C và anh Trần Quốc T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2013. Hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh T vào ngày 27/8/2016 nên hôn nhân giữa chị C và anh T là hợp pháp.

Quá trình chung sống hai bên đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng được chị C thừa nhận bản khai và tại phiên tòa hôm nay, anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 13/9/2018 anh thừa nhận cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, không giải quyết được, từ đó hai người đã cắt đứt quan hệ vợ chồng, mỗi người sống một nơi khoảng 02 năm nay.

Xét thấy, Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Đối với hôn nhân giữa chị C và anh T đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đến nay hai người đã cắt đứt quan hệ vợ chồng mỗi người sống một nơi, không còn sống chung với nhau nữa, không còn quan tâm chăm sóc, lẫn nhau. Từ đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng của chị C và anh T đã căng thẳng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ và làm đơn xin ly hôn với anh T, anh T cũng đồng ý ly hôn. Việc thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ phù Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: có một người tên Trần Huỳnh Ngọc Q, sinh ngày 31/3/2014, hiện đang sống chung với anh T. Anh T có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn, chị C đồng ý giao con cho anh T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cũng cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy cháu Q, trong thời gian trước đây và hiện nay do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con hằng ngày và đảm bảo chăm sóc tốt cho con trong cuộc sống về mọi mặt và điều kiện kinh tế ổn định. Nghĩ nên ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị C và anh T là giao cháu Q cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi anh chị ly hôn là có căn cứ phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận. Vì vậy, về con chung công nhận cho anh T được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Trần Huỳnh Ngọc Q, sinh ngày 31/3/2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: hai bên chưa đưa ra yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về nợ chung: không có. Không đặt ra nên không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: buộc chị Nguyễn Ngọc C có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của pháp luật. Anh Trần Quốc T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 19, 51, 53, 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 01 Điều 28, Điều 35, 147, 227, 228 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc C.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Ngọc C với anh Trần Quốc T.

[2] Về con chung: Công nhận cho anh Trần Quốc T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Huỳnh Ngọc Q, sinh ngày 31/3/2014.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: hai bên chưa đưa ra yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: hai bên không đặt ra yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung phải thu, phải trả: hai bên thừa nhận không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Ngọc C có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2015/0017477, ngày 15/8/2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu. Chị Nguyễn Ngọc C đã nộp đủ tiền án phí, không phải nộp tiếp.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Trần Quốc T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Càng Long;
- UBND xã An Trường A;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Nhung